TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15/9/2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Triệu Thị Yên.
2. Bà Tưởng Thị Thu.

Thư ký phiên toà: Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Ông Ma Công Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn NN, xã NH, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, *(có mặt)*.

- *Bị đơn:* Chị Hà Thị N, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn BM, xã NH, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, *(vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2021, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Hà Thị N kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã NH, huyện Chiêm Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 19/12/2013. Anh K chị N được cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán và chung sống tại thôn NN, xã NH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì anh K chị N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã và chị N đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn BĐ, xã NH, huyện Chiêm Hoá sinh sống nên anh K chị N đã ly thân từ năm 2018 đến

nay. Anh K xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Hà Thị N.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn K và chị Hà Thị N có 03 con là Nguyễn Hà G, sinh ngày 27/8/2013; Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 10/6/2016 và Nguyễn Hà Tú P, sinh ngày 15/11/2018. Hiện nay cháu G và cháu Phúc đang sống cùng anh K, còn cháu P sống cùng chị N kể từ khi anh chị ly thân. Khi ly hôn, anh K yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu G và cháu Phúc, anh K nhất trí để chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Về cấp dưỡng nuôi con, anh K không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn K có mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án và không thay đổi, bổ sung gì. Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải lần 01 và lần 02 cho đến tại phiên tòa, bị đơn chị Hà Thị N đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bà Ma Thị H (mẹ đẻ của chị N) và Công an xã NH, xác định chị Hà Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn BM, xã NH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên thực tế hiện nay chị N đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, chỉ biết chị N làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh mà không biết địa chỉ cụ thể tạm trú và nơi làm việc của chị N, bà H cũng không biết khi nào chị N trở về gia đình, địa phương. Bà H xác nhận lần gần nhất chị N có mặt tại gia đình vào dịp nghỉ lễ ngày 30/4/2021 và hiện nay có liên lạc qua điện thoại về cho gia đình nên bà H nhất trí nhận văn bản tố tụng của Tòa án, cam kết thông báo cho chị Hà Thị N biết về việc anh Nguyễn Văn K có đơn xin ly hôn (thông tin qua điện thoại di động cho chị N).

Ngày 08/9/2021, Toà án nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của chị Hà Thị N với nội dung: Về hôn nhân, chị N xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài; về con chung, chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà Tú P, sinh ngày 15/11/2018 và nhất trí để anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà G, sinh ngày 27/8/2013 và cháu Nguyễn Xuân Phúc, sinh ngày 10/6/2016, về cấp dưỡng nuôi con, chị N không đề nghị. Về tài sản chung, chị N xác nhận vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; về nợ chung không có. Ngoài ra, chị N có đề nghị Toà án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn K phải thanh toán cho chị tổng số tiền 318.000.000^{đ} *(ba trăm mười tám triệu đồng)*, bao gồm: Khoản tiền trinh tiết là 30.000.000^{đ}, tiền công làm thuê trong thời gian về làm dâu tại gia đình anh K là 72.000.000^{đ}, tiền chi phí cho việc quan hệ vợ chồng là 216.000.000^{đ}.

Anh Nguyễn Văn K nêu ý kiến, quan điểm: Không chấp nhận các khoản

tiền mà chị Hà Thị N đưa ra, với lý do anh và chị N đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên không có căn cứ để anh phải thanh toán số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn thực hiện không đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điều 143, 144, 147, các điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn K, cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Hà Thị N; về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà G, sinh ngày 27/8/2013 và cháu Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 10/6/2016 cho anh Nguyễn Văn K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn Hà Tú P, sinh ngày 15/11/2018 cho chị Hà Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn K và chị Hà Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn cho nhau và có quyền, nghĩa vụ được đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề cập xem xét. Căn cứ theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự không xem xét giải quyết trong vụ án này đối với yêu cầu của chị N về việc yêu cầu anh K thanh toán tổng số tiền 318.000.000^{đ}; Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Hà Thị N không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Hà Thị N; chị Hà Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn BM, xã NH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Tại đơn khởi kiện ban đầu, anh K xác định chị N có hộ khẩu thường trú tại thôn BĐ, xã NH, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên, quá trình Toà án xác minh tại Công an xã NH, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang và trưởng thôn BM, xã NH xác định hộ khẩu của chị N tại thôn BM, xã NH, huyện Chiêm

Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay chị N đi làm ăn xa nhà không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị N đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị N đến Tòa án để làm việc nhưng chị N vắng mặt không có lý do, chị N đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn K có mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm như đơn khởi kiện, bị đơn chị Hà Thị N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt (chị N đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn K và chị Hà Thị N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện Chiêm Hóa. Sau khi kết hôn anh K và chị N chung sống tại thôn NN, xã NH, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang; anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã và chị N đã tự ý bỏ về sống cùng gia đình bố mẹ đẻ tại thôn BĐ, xã NH, huyện Chiêm Hoá, sau đó chị N đã làm nhà ra ở riêng tại thôn BM, xã NH, anh K và chị N đã ly thân từ năm 2018 đến nay, anh K xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Hà Thị N. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị N cũng xác định mâu thuẫn giữa anh K và chị N đã trầm trọng, không thể khắc phục được, đã ly thân trong thời gian dài.

Qua xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị N đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, thể hiện tại các Biên bản xác minh ngày 10 và 11/8/2021 (bút lục số 41, 43, 44) thấy rằng anh K và chị N đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay và kể từ khi ly thân giữa anh K chị N không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc cho nhau nữa. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn K, cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Hà Thị N.

[2.2] Về con chung: Giữa anh Nguyễn Văn K và chị Hà Thị N có 03 con là Nguyễn Hà G, sinh ngày 27/8/2013; Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 10/6/2016 và Nguyễn Hà Tú P, sinh ngày 15/11/2018. Hiện nay cháu G và cháu P đang sống cùng anh K, còn cháu P sống cùng chị N kể từ khi vợ chồng ly thân. Anh K yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu G và cháu Ph; nhất trí để chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P; không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn; tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị N có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà Tú P; cháu Nguyễn Hà G và Nguyễn Xuân Ph anh Nguyễn Văn K là người trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ vào các

Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Hà G và cháu Nguyễn Xuân Ph cho anh Nguyễn Văn K là người trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hà Tú P cho chị Hà Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn cho nhau và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nội dung khác: Đối với khoản tiền chị Hà Thị N yêu cầu anh Nguyễn Văn K phải thanh toán là 318.000.000^{đ} *(ba trăm mười tám triệu đồng)*, bao gồm: Khoản tiền trinh tiết là 30.000.000^{đ}, tiền công làm thuê trong thời gian về làm dâu tại gia đình anh K là 72.000.000^{đ}, tiền chi phí cho việc quan hệ vợ chồng là 216.000.000^{đ}; do trước thời điểm Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ chị N không có yêu cầu đề nghị gì (đơn xin xét xử vắng mặt của chị N gửi đến Toà án sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử); Hội đồng xét xử căn cứ Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xem xét yêu cầu nêu trên của chị N trong vụ án này, mà sẽ xem xét giải quyết trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Hà Thị N không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn K, cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Hà Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà G, sinh ngày 27/8/2013 và cháu Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 10/6/2016 cho anh Nguyễn Văn K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Nguyễn Hà Tú P, sinh ngày 15/11/2018 cho chị Hà Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn K và chị Hà Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng).* Anh K đã nộp 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0004831 ngày 21/7/2021 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, (anh K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Chị Hà Thị N không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/9/2021). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã NH (nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lâm Hạnh Quỳnh